

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – TP.HCM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 691/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10-11-2025

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phan Thị Tuyết Hằng
- Ông Nguyễn Văn Nguyễn.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Hiếu – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh.*

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Không có.

Ngày 10 tháng 11 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 313/2025/TLST-HNGĐ ngày 08/10/2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 603/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/10/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Trần Ngọc Đ**, sinh năm: 1971; số CCCD: 087071000079; Địa chỉ: A Đường C B, Khu phố D, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Ông Đ có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Hoàng Y**, sinh năm: 1971; số CCCD: 079171014638; Nơi đăng ký thường trú: 119 Đường C B, Khu phố D, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở hiện tại: 2723 đường K, Thành phố H, Bang T, Hoa Kỳ. (Bà Y có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 15/8/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Ngọc Đ trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Hoàng Y đã tìm hiểu, tự nguyện đi đến kết hôn theo đúng quy định của pháp luật và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B,

Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 85/P.2, quyền số: 01/1999, cấp ngày 30/09/1999.

Trong thời gian chung sống, ông và bà Nguyễn Thị Hoàng Y đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Ông và bà Nguyễn Thị Hoàng Y không phù hợp nhau về tính cách, quan điểm sống không đồng nhất dẫn đến không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, ông và bà Nguyễn Thị Hoàng Y đã cố gắng tìm cách giải quyết, hàn gắn nhưng không thể giải quyết được.

Nhận thấy tình cảm giữa ông và bà Nguyễn Thị Hoàng Y không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hoàng Y.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 15/10/2025 (có xác nhận lãnh sự ngày 15/10/2025), bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng Y trình bày:*

Bà và ông Trần Ngọc Đ đã tìm hiểu, tự nguyện đi đến kết hôn theo đúng quy định của pháp luật và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 85/P.2, quyền số 01/1999, cấp ngày 30/9/1999.

Trong quá trình chung sống, giữa bà và ông Trần Ngọc Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về nhiều mặt. Mặc dù, bà và ông Trần Ngọc Đ đã cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng thêm. Kể từ khi cư trú tại Hoa Kỳ thì tôi cũng ít liên lạc và không trở về Việt Nam gặp ông Trần Ngọc Đ. Do đó, giữa bà và ông Trần Ngọc Đ không còn tình cảm yêu thương vợ chồng và cũng không còn chung sống với nhau.

Nay nhận thấy mục đích kết hôn là xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được, hai người ở hai nơi xa cách nhau, suy nghĩ và quan điểm về cuộc sống quá khác biệt và không thể hòa đồng, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Vì thế, bà đồng ý ly hôn với ông Trần Ngọc Đ.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay, bà đang cư trú tại Hoa Kỳ nên không thể có mặt tham gia toàn bộ quá trình xét xử vụ án. Vì vậy, bà kính đề nghị Q tòa cho bà được vắng mặt trong toàn bộ quá trình xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[2.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông Trần Ngọc Đ khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng Y, vì vậy đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng Y đăng ký thường trú tại địa chỉ 119 Đường C B, Khu phố D, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh và bà Y hiện nay đang ở tại B đường K, Thành phố H, Bang T, Hoa Kỳ. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự (Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều luật của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án) thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Do nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 85/P.2 Quyền số 01/1999 do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân phường C, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 30/9/1999 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà Y là hôn nhân hợp pháp được quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

[5] Theo trình bày của ông Đ và bà Y thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn tiếng nói chung trong cuộc sống, từ lâu mỗi người sống một nơi. Vì vậy, ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Y và bà Y cũng đồng ý ly hôn với ông Đ.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, theo trình bày của ông Đ và bà Y thì giữa vợ chồng bất đồng quan điểm sống, từ lâu đã ít còn sự liên lạc, quan tâm lẫn nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân giữa ông Đ và bà Y đã không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Do đó, ông Đ yêu cầu ly hôn đối với bà Y là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về con chung: Ông Đ và bà Y xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Về tài sản chung: Ông Đ và bà Y xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[9] Về nợ chung: Ông Đ và bà Y xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[10] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn ông Trần Ngọc Đ phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự (Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều luật của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án);

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Ngọc Đ đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng Y về việc tranh chấp ly hôn.

1.1 Về hôn nhân: Ông Trần Ngọc Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hoàng Y. Quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị Hoàng Y chấm dứt cũng như giấy chứng nhận kết hôn số 85/P.2 Quyền số 01/1999 do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân phường C, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 30/9/1999 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Về con chung: Ông Trần Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị Hoàng Y xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3 Về tài sản chung: Ông Trần Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị Hoàng Y xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Ông Trần Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị Hoàng Y xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn ông Trần Ngọc Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông Đ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0016889 ngày 11/9/2025 Thi hành án Dân sự Thành phố H. Ông Trần Ngọc Đ đã nộp đầy đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

3.1 Nguyên đơn ông Trần Ngọc Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

3.2 Bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng Y có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (Một) tháng, kể từ ngày bản án, quyết định được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM (1);
- VKSND KV10-TP . HCM (2);
- THADS TP . HCM (1);
- UBND phường Chợ Quán, TP . HCM (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ, VP (3).

Trần Thị Hồng Cẩm

